

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2017/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KINH DOANH RƯỢU ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH 17/2020/NĐ-CP NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh rượu, bao gồm: Hoạt động sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu; hoạt động bán rượu tiêu dùng tại chỗ. 2. Nghị định này không áp dụng đối với: a) Hoạt động xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh rượu; b) Nhập khẩu rượu để kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế; c) Nhập khẩu rượu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, mua bán rượu giữa các khu phi thuế quan; hoạt động kinh doanh rượu tại khu phi thuế quan, hoạt động gửi kho ngoại quan;	Giữ nguyên	



Ký bởi: Bộ Công Thương
Quản lý: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 17/03/2026 10:38:20 +07:00



Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
d) Rượu nhập khẩu là hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu trong, định mức được miễn thuế; xét miễn thuế, không chịu thuế.		
Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với thương nhân kinh doanh rượu và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh rượu.	Giữ nguyên	
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau; 1. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 2. Sản xuất rượu công nghiệp là hoạt động sản xuất rượu trên dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp. 3. Sản xuất rượu thủ công là hoạt động sản xuất rượu bằng dụng cụ truyền thống, không sử dụng máy móc, thiết bị công nghiệp. 4. Rượu bán thành phẩm là rượu chưa hoàn thiện dùng làm nguyên liệu để sản xuất rượu thành phẩm. 5. Bán rượu tiêu dùng tại chỗ là hoạt động bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại địa điểm bán hàng.	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau; 1. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 3 như sau: 2. Sản xuất rượu công nghiệp là hoạt động sản xuất rượu sử dụng máy móc, thiết bị hoặc hệ thống thiết bị trong các công đoạn của quá trình sản xuất, vận hành theo quy trình công nghệ hoặc dây chuyền thiết bị đồng bộ, gắn với tổ chức sản xuất và kiểm soát kỹ thuật trong quá trình sản xuất. 3. Sản xuất rượu thủ công là hoạt động sản xuất rượu chủ yếu thực hiện bằng phương pháp thủ công hoặc sử dụng thiết bị đơn giản, rời rạc, không tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ hoặc dây chuyền thiết bị đồng bộ.	- Sửa đổi khoản 2, khoản 3 theo hướng quy định rõ ràng, chi tiết hơn để thuận tiện triển khai trong thực tế. - Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào sau khoản 5 giải thích từ ngữ về thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán lẻ rượu do Nghị định số 105/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ nên trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp còn có cách hiểu khác nhau. - Giữ nguyên khoản 4, khoản 5.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	4. Rượu bán thành phẩm là rượu chưa hoàn thiện dùng làm nguyên liệu để sản xuất rượu thành phẩm. 5. Bán rượu tiêu dùng tại chỗ là hoạt động bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại địa điểm bán hàng. 6. Thương nhân phân phối rượu là thương nhân mua rượu từ nhà cung cấp rượu trong nước, ngoài nước để bán cho thương nhân kinh doanh rượu khác và cá nhân, hộ gia đình, tổ chức để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. 7. Thương nhân bán lẻ rượu là thương nhân bán rượu trực tiếp cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức khác để sử dụng vào mục đích tiêu dùng và bán cho thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ.	
Điều 4. Nguyên tắc quản lý rượu (Sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu phải tuân thủ các quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và các quy định tại Nghị định này. 2. Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp, sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối rượu, bán buôn rượu, bán lẻ rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên phải có giấy phép; thương nhân bán rượu có độ cồn từ 5.5 độ trở lên tiêu dùng tại chỗ, thương nhân kinh doanh rượu có độ	Điều 4. Nguyên tắc quản lý rượu (Sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này, các quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy và chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan. 2. Quản lý kinh doanh rượu được thực hiện dưới hình thức cấp giấy phép, đăng ký hoặc thông báo với cơ quan có thẩm quyền.	- Sửa đổi khoản 1 Điều 4 theo hướng gộp nội dung với khoản 3 Điều 4 để bao quát chung các quy định hiện hành trong kinh doanh rượu và để thực hiện. - Sửa đổi khoản 2 Điều 4 theo hướng quy định ngắn gọn kinh doanh rượu được thực hiện dưới hình thức cấp giấy phép, đăng ký hoặc thông báo với cơ quan có thẩm quyền. - Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 do đã gộp nội dung tại khoản 1 Điều 4.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
còn dưới 5.5 độ phải đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện; hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt cơ sở sản xuất. 3. Trong quá trình phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu, thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy và chữa cháy. Trong quá trình bán rượu tiêu dùng tại chỗ, thương nhân phải tuân thủ các quy định về phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.	3. Trong quá trình phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu, thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy và chữa cháy. Trong quá trình bán rượu tiêu dùng tại chỗ, thương nhân phải tuân thủ các quy định về phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.	
Điều 5. Chất lượng và an toàn thực phẩm (Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) Tổ chức, cá nhân kinh doanh rượu thực hiện công bố sản phẩm rượu, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Thủ tục công bố sản phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác liên quan.	Giữ nguyên.	
Điều 6. Dán tem và ghi nhãn hàng hóa rượu 1. Rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu phải được dán tem và ghi nhãn hàng hóa theo quy định, trừ trường hợp rượu được sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép	Giữ nguyên.	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
sản xuất rượu để chế biến lại. <i>(Thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 2. Rượu bán thành phẩm nhập khẩu không phải dán tem.		
Điều 7. <i>(Bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>		
Điều 8. Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất. 3. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định. 4. Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. 5. Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu. 6. Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.	Điều 8. Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất. 3. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định. 4. Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. 5. Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu. 6. Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 8. - Bãi bỏ khoản 5 Điều 8. Lý do: Tại Điều 6 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP đã có quy định về tuân thủ các quy định về ghi nhãn theo pháp luật. Ngoài ra, việc quản lý về nhãn hàng hóa được quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
Điều 9. Điều kiện sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.	Điều 9. Điều kiện sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 9. - Sửa đổi khoản 2 Điều 9: bỏ cụm từ “và ghi nhãn hàng hóa rượu”. Lý do: Việc sửa đổi, đơn giản hóa điều kiện này phù hợp với thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.	2. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.	66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết số 66/NQ-CP); đồng thời đơn giản hóa điều kiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp (đã thuyết minh tại khoản 5 Điều 8).
Điều 10. Điều kiện sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại <i>(Thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 1. Có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. 2. Trường hợp không bán rượu cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công phải làm thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.	Điều 10. Điều kiện sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại Có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. 2. Trường hợp không bán rượu cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công phải làm thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.	Thay thế Điều 10 theo hướng: - Bỏ số thứ tự tại khoản 1 Điều 10. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 10. + Lý do: Việc sửa đổi, đơn giản hóa điều kiện này phù hợp với thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP. Ngoài ra, các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP đã thể hiện việc sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trên thị trường phải được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
Điều 11. Điều kiện phân phối rượu 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 3. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Có hệ thống phân phối rượu trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên (đã bao gồm địa bàn doanh nghiệp đặt trụ sở chính); tại mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung	Điều 11. Điều kiện phân phối rượu 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 3. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Có hệ thống phân phối rượu gồm ít nhất 02 thương nhân có Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh	- Sửa đổi khoản 1 Điều 11 theo hướng bổ sung chủ thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX/LHHTX) được phép kinh doanh bán lẻ rượu và bán rượu tiêu dùng tại chỗ; không được phép phân phối và bán buôn rượu. Mở rộng chủ thể được cấp phép phân phối cho HTX/Liên hiệp HTX góp phần thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện đầu tư, kinh doanh nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
ương phải có ít nhất 01 thương nhân bán buôn rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán buôn rượu.” (Sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu khác hoặc nhà cung cấp rượu ở nước ngoài. 6..(Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	được thông báo hoặc đăng ký theo quy định để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân có Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu. 5. Trường hợp nhập khẩu rượu phải có văn bản giới thiệu của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc ký với nhà cung cấp về việc mua, bán rượu. 6.(Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	doanh nghiệp phát triển, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, gia tăng cạnh tranh, giảm chi phí logistics cho thành viên HTX/LHHTX, góp phần phát triển kinh tế tập thể - vốn chiếm tỷ trọng quan trọng trong nền kinh tế nông thôn Việt Nam). Ngoài ra, theo Luật Hợp tác xã, hai chủ thể này cũng là tổ chức kinh tế. - Sửa đổi khoản 4 Điều 11 (được sửa đổi tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) thành: “4. Có hệ thống phân phối rượu gồm ít nhất 02 thương nhân có Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh được thông báo hoặc đăng ký theo quy định để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân có Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu”. Lý do: Theo quy định hiện hành, thương nhân khi tiến hành phân phối rượu tại các địa bàn phải xin phép. Dự thảo Nghị định dự kiến Giấy phép phân phối rượu có giá trị trên toàn quốc để thực hiện các quy định của Chính phủ về triển khai mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính, góp phần trong việc quản lý nhà nước với doanh nghiệp phân phối rượu khi thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu phân cấp về UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
		và thương mại (Nghị định số 146/2025/NĐ-CP). Việc sửa quy định điều kiện hệ thống phân phối rượu này để đa dạng điều kiện đáp ứng hệ thống phân phối rượu, vừa đáp ứng mục tiêu quản lý nhà nước, vừa đơn giản hóa điều kiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời phù hợp với tinh thần của thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP. Hai địa điểm kinh doanh của thương nhân không quy định về địa bàn không quy định về địa giới hành chính, giảm phải sửa đổi, bổ sung giấy phép. - Sửa đổi khoản 5 Điều 11 theo hướng chỉ quy định với trường hợp nhập khẩu rượu. Lý do: Theo quy định hiện hành, thương nhân phân phối rượu mua của nhà cung cấp trong nước, ngoài nước đều phải ghi trên giấy phép. Thương nhân sản xuất, phân phối rượu trong nước đã được quản lý theo quy định tại các giấy phép sản xuất, phân phối rượu. Do vậy sửa đổi, đơn giản hóa điều kiện này, chỉ quy định đối với nhà cung cấp rượu trong trường hợp nhập khẩu để góp phần quản lý nhập khẩu và giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tăng tính linh hoạt, chủ động tìm kiếm, thay đổi nhà cung cấp của chủ thể sau khi được cấp giấy phép; đồng thời phù hợp với thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.
Điều 12. Điều kiện bán buôn rượu 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.	Bãi bỏ toàn bộ quy định tại Điều 12.	Bãi bỏ toàn bộ quy định tại Điều 12. Lý do: Hiện nay, hệ thống phân phối rượu được tổ chức với 03 cấp bậc bao gồm: phân phối rượu,

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2- (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 3- (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.” (Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác, 6- (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)		bán buôn rượu và bán lẻ rượu (bán rượu tiêu dùng tại chỗ). Việc bãi bỏ điều kiện, Giấy phép bán buôn rượu trong chuỗi phân phối góp phần giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý tập trung, tăng cường công tác giám sát, hạn chế số lượng kênh phân phối trên thị trường; lược bỏ bớt khâu trung gian góp phần giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp.
Điều 13. Điều kiện bán lẻ rượu 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. 3. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.	Điều 13. Điều kiện bán lẻ rượu 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 13. - Sửa đổi khoản 2 Điều 13 thành: “Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh.”. Lý do: Việc sửa đổi, đơn giản hóa điều kiện này phù hợp với thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP; đơn giản hóa điều kiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đồng thời trong thực tế có phát sinh tình huống kinh doanh trên tàu thuyền, địa chỉ không cố định.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)		- Bãi bỏ khoản 3 Điều 13 nhằm mục đích giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp, Tăng tính linh hoạt, chủ động tìm kiếm, thay đổi nhà cung cấp của chủ thể sau khi được cấp giấy phép. Đồng thời, thương nhân sản xuất, phân phối rượu trong nước đã được quản lý theo quy định tại các giấy phép sản xuất, phân phối rượu.
Điều 14. Điều kiện bán rượu tiêu dùng tại chỗ 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng và có đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở kinh doanh.” (Sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 3. Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu. 4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.	Điều 14. Điều kiện bán rượu tiêu dùng tại chỗ 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh, tuân thủ các quy định tại Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia và có đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt địa điểm kinh doanh. 3. Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu. 4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 5 Điều 14. - Sửa đổi khoản 2 Điều 14 thành “2. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh, tuân thủ các quy định tại Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia và có đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt địa điểm kinh doanh.” Lý do: Sửa đổi phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (Nghị định số 139/2025/NĐ-CP); đồng thời đơn giản hóa điều kiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng vẫn tuân thủ quy định của Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia; - Bãi bỏ khoản 3 Điều 14 do đã được quy định tại khoản 5 Điều 18.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp 1. Được bán rượu do doanh nghiệp sản xuất (trực tiếp hoặc thông qua công ty thành viên, chi nhánh trực thuộc) cho các thương nhân có Giấy phép phân phối rượu, bán buôn rượu, bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ và thương nhân mua rượu để xuất khẩu. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 2. Được trực tiếp bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu do mình sản xuất tại các địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. 3. Được mua trong nước hoặc nhập khẩu rượu bán thành phẩm để sản xuất rượu thành phẩm. 4. Được mua rượu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để chế biến lại. 5. Tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường. 6. Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này.	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp 1. Được bán rượu do doanh nghiệp sản xuất (trực tiếp hoặc thông qua chi nhánh trực thuộc) cho các thương nhân có Giấy phép phân phối rượu, bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ và thương nhân mua rượu để xuất khẩu. 2. Được trực tiếp bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu do mình sản xuất tại các địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. 3. Được mua trong nước hoặc nhập khẩu rượu bán thành phẩm để sản xuất rượu thành phẩm. 4. Được mua rượu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để chế biến lại. 5. Tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường. 6. Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này.	- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 <i>(được sửa tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> theo hướng sửa đổi bỏ nội dung liên quan về bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12); bỏ nội dung được bán rượu doanh nghiệp sản xuất thông qua công ty thành viên do công ty thành viên có tư cách pháp nhân. Do vậy, công ty thành viên khi kinh doanh sản phẩm của công ty mẹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. - Giữ nguyên khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 15.
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1. Được bán rượu do mình sản xuất cho các thương nhân có Giấy phép phân phối rượu, bán buôn rượu, bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ và thương nhân mua rượu để xuất khẩu.	Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1. Được bán rượu do mình sản xuất cho các thương nhân có Giấy phép phân phối rượu, bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ và thương nhân mua rượu để xuất khẩu.	- Sửa đổi khoản 1 Điều 16 theo hướng sửa đổi bỏ nội dung liên quan về bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12). - Giữ nguyên khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 16.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Được trực tiếp bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu do mình sản xuất tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân. 3. Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất rượu của mình. 4. Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này. 5. Được mua rượu của hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công để chế biến lại. <i>(Bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	2. Được trực tiếp bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu do mình sản xuất tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân. 3. Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất rượu của mình. 4. Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này. 5. Được mua rượu của hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công để chế biến lại. <i>(Bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại <i>(Thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 1. Không bắt buộc phải công bố chất lượng hàng hóa, dán tem rượu, ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định. 2. Trong quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ, tổ chức, cá nhân phải xuất trình hợp đồng mua bán rượu với doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho các cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp bị kiểm tra. 3. Đăng ký sản xuất rượu thủ công với Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm thực hiện	Giữ nguyên	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất rượu của mình. 4. Không được bán rượu cho tổ chức, cá nhân không phải là doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp đã ký hợp đồng mua bán để chế biến lại.		
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ 1. Quyền và nghĩa vụ chung: a) Mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp; b) Niêm yết bản sao hợp lệ giấy phép đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tại các địa điểm bán rượu của thương nhân và chỉ được mua, bán rượu theo nội dung ghi trong giấy phép đã được cấp, trừ trường hợp đối với thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ. <i>(Sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> c) Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này. 2. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối rượu: a) Nhập khẩu rượu, mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong nước và thương nhân phân phối rượu khác theo nội dung ghi trong giấy phép; b) Bán rượu cho các thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên	Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối, bán lẻ rượu, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ 1. Quyền và nghĩa vụ chung: a) Mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp; b) Niêm yết bản sao hợp lệ giấy phép đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tại các địa điểm bán rượu của thương nhân và chỉ được mua, bán rượu theo nội dung ghi trong giấy phép đã được cấp, trừ trường hợp thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ. c) Thực hiện chế độ báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này. 2. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối rượu: a) Mua rượu của thương nhân sản xuất rượu trong nước, nhập khẩu và mua của thương nhân phân phối rượu. Trường hợp nhập khẩu rượu chỉ được nhập khẩu của nhà cung cấp rượu có tên ghi trong giấy phép. b) Bán rượu cho các thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán lẻ rượu, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ.	- Sửa đổi tiêu đề Điều 18 theo hướng bỏ nội dung liên quan về bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12). - Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 18 để rõ nghĩa hơn (bỏ nội dung “đối với”). - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 18 theo hướng chỉ quy định với trường hợp nhập khẩu rượu (đã thuyết minh tại khoản 5 Điều 11). - Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 18 Lý do: + Sửa đổi bỏ nội dung liên quan về bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12). + Dự thảo Nghị định dự kiến Giấy phép phân phối rượu có giá trị trên toàn quốc (đã thuyết minh tại khoản 4 Điều 11). - Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 18 Lý do: Dự thảo Nghị định dự kiến Giấy phép phân phối rượu có giá trị trên toàn quốc (đã thuyết minh tại khoản 4 Điều 11). - Bổ sung điểm đ sau điểm d khoản 2 Điều 18: Lý do: Thương nhân được tổ chức kinh doanh rượu tại địa phương nơi thương nhân đặt địa chỉ

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
phạm vi địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp phép; c) Bán rượu cho thương nhân mua rượu để xuất khẩu; đ) Trực tiếp bán lẻ rượu tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân trên phạm vi địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp phép. <i>(Sửa đổi theo quy định tại Khoản 11 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 3. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân bán buôn rượu: a) Mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong, nước, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu khác theo nội dung ghi trong giấy phép; b) Bán rượu cho các thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp phép; c) Bán rượu cho thương nhân mua rượu để xuất khẩu; đ) Trực tiếp bán lẻ rượu tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân trên phạm vi địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp phép. <i>(Sửa đổi theo quy định tại Khoản 12 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 4. Quyền và nghĩa vụ thương nhân bán lẻ rượu:	c) Bán rượu cho thương nhân mua rượu để xuất khẩu; d) Bán lẻ rượu tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân. đ) Ngoài các tỉnh, thành phố nơi thương nhân được cấp Giấy phép phân phối rượu, thương nhân được quyền phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố không phải xin giấy phép; chỉ phải thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Nghị định này. Thương nhân có nghĩa vụ thông báo nội dung thay đổi (nếu có) so với thông báo trước đó. 3. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân bán buôn rượu: 4. Quyền và nghĩa vụ thương nhân bán lẻ rượu: a) Mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối rượu. b) Bán rượu cho người tiêu dùng và bán cho tổ chức, cá nhân phục vụ tiêu dùng tại chỗ. c) Tổ chức kinh doanh bán lẻ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 điều này được thực hiện tại địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã nơi thương nhân được cấp phép. d) Trường hợp thương nhân bán rượu tại địa điểm kinh doanh khác địa điểm kinh doanh được ghi trên Giấy phép bán lẻ trong cùng địa bàn cấp xã không phải xin giấy phép; chỉ phải thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản	trụ sở chính. Khi tổ chức phân phối tại địa phương khác, thương nhân không phải thực hiện cấp giấy phép mà chỉ phải gửi thông báo về UBND cấp tỉnh. Việc này vừa đạt mục tiêu quản lý nhà nước với mặt hàng rượu, vừa tạo thuận lợi cho UBND cấp tỉnh quản lý thương nhân trên địa bàn, cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. - Bãi bỏ Khoản 3 Điều 18 do bỏ nội dung liên quan về bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12). - Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 4 Điều 18; Bổ sung điểm c, điểm d vào sau điểm b khoản 4 Điều 18: Bán rượu cho người tiêu dùng và bán cho tổ chức, cá nhân phục vụ tiêu dùng tại chỗ; được phép bán lẻ tại địa điểm kinh doanh khác địa điểm kinh doanh được ghi trên Giấy phép bán lẻ trong cùng địa bàn cấp xã và phải thông báo về Ủy ban nhân dân cấp xã. Lý do: Dự thảo Nghị định dự kiến thương nhân được tổ chức kinh doanh rượu tại địa bàn cấp xã nơi thương nhân được cấp Giấy phép bán lẻ rượu. Khi tổ chức bán lẻ tại địa điểm kinh doanh khác, thương nhân phải gửi thông báo về UBND cấp xã. Việc này vừa đạt mục tiêu quản lý nhà nước với mặt hàng rượu, vừa tạo thuận lợi cho UBND cấp xã quản lý thương nhân trên địa bàn. Đồng thời, cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
a) Mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu theo nội dung ghi trong giấy phép; b) Bán rượu cho thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ hoặc bán trực tiếp cho người mua tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân theo nội dung ghi trong giấy phép. 5. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ: a) Mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu; b) Bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân.” <i>(Sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	6 Điều 25 Nghị định này. Thương nhân có nghĩa vụ thông báo nội dung thay đổi (nếu có) so với thông báo trước đó. 5. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ: a) Mua rượu từ thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối, thương nhân bán lẻ rượu. b) Bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân.” <i>(Sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	- Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 18 theo hướng bỏ thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12).
Điều 19. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (01 bộ) bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.	Điều 19. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (01 bộ) bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 19. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 19. Lý do: Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Sửa đổi khoản 4 Điều 19: theo hướng sửa theo quy định hiện hành về môi trường: Luật bảo vệ

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
3. Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000)” (Sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp. 5. Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. 6. Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.	3. Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000)” (Sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Bản sao Quyết định phê duyệt Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Quyết định cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản đăng ký môi trường hoặc các văn bản khác theo quy định. 5. Bản liệt kê tên các loại rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. 6. Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.	Môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Mẫu số 10, 47, Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Bãi bỏ khoản 5 Điều 19: Lý do: bỏ nội dung về đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa (đã thuyết minh tại khoản 5 Điều 8).
Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 3 Điều 20. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 20. Lý do: Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (01 bộ) bao gồm: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. - Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (01 bộ) bao gồm: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. - Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> - Bản liệt kê tên các loại rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.	kinh doanh đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Bãi bỏ khoản 4 Điều 20 Lý do: bỏ nội dung về đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa (đã thuyết minh tại khoản 5, Điều 8).
Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu (01 bộ) bao gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.	Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu (01 bộ) bao gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 21. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 21. Lý do: Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. 3. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Tài liệu về hệ thống phân phối rượu gồm một trong hai loại sau: a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán buôn rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu; b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.” <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 6. Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: a) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu khác hoặc nhà cung cấp rượu ở nước ngoài, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của các nhà cung cấp rượu;	2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. 3. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 5. Tài liệu về hệ thống phân phối rượu gồm một trong hai loại sau: a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thư xác nhận tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu; b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.”<i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</i> 6. Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp rượu trong trường hợp nhập khẩu rượu. 7. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	thông tin đăng ký trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP: Lý do: Sửa đổi bổ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12); thay thế bằng thương nhân phân phối rượu và thương nhân bán lẻ rượu (đã thuyết minh tại khoản 4 Điều 11). - Thay thế khoản 6 Điều 21: theo hướng chỉ quy định với trường hợp nhập khẩu rượu. Lý do: đã thuyết minh tại khoản 5 Điều 11.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
b) Trường hợp nhà cung cấp rượu là thương nhân trong nước cần có bản sao Giấy phép sản xuất rượu hoặc Giấy phép phân phối rượu. <i>7. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>		
Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu (01 bộ) bao gồm: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. - Bản sao Giấy, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. <i>3. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> <i>4. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> - Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: - Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng	Bãi bỏ toàn bộ quy định tại Điều 22.	Bãi bỏ toàn bộ quy định tại Điều 22. Lý do: Sửa đổi bỏ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12).

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 6. Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: a) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác; b) Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu. 7. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)		
Điều 23. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (01 bộ) bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.	Điều 23. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (01 bộ) bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 23. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 23 Lý do: Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. - Sửa đổi khoản 3 Điều 23 theo hướng bỏ cụm từ “chứng minh”:

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
3. Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. 4. Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. 5. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 6. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	3. Bản sao hợp đồng thuê, mượn hoặc tài liệu về quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. 4. Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. 5. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 6. (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	Lý do: thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP. - Bãi bỏ khoản 4 Điều 23 Lý do: đơn giản hóa thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.
Điều 24. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ (Bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 17 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)		
Điều 25. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép 1. Thẩm quyền cấp giấy phép: a) Bộ Công Thương là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên và Giấy phép phân phối rượu; b) Sở Công Thương là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô dưới 03 triệu lít/năm và Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; c) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích	Điều 25. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép 1. Đối với Giấy phép phân phối rượu a. Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân đặt địa chỉ trụ sở chính. b. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép phân phối rượu cho	Thay thế Điều 25 theo hướng: - Quy định thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho thống nhất Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025. - Sửa đổi bổ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12); thực hiện phân cấp, phân quyền từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
kinh doanh, Giấy phép bán lẻ rượu trên địa bàn; (Sửa đổi theo quy định tại khoản 18 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) d) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thì có quyền cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại giấy phép đó. 2. Thủ tục cấp giấy phép: a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; b) Đối với cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, Giấy phép phân phối rượu và Giấy phép bán buôn rượu: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày, làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. c) Đối với cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép bán lẻ rượu: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có	thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 2. Đối với Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp a. Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. b. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Đối với Giấy phép bán lẻ rượu a. Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt địa điểm bán lẻ. b. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 4. Đối với Giấy phép sản xuất rượu thủ công	- Quy định về địa phương tiếp nhận hồ sơ của thương nhân khi thực hiện phân cấp, phân quyền thẩm quyền về UBND cấp tỉnh; cấp xã. - Cắt giảm 30% thời gian thực hiện thủ tục hành chính với thủ tục cấp Giấy phép phân phối, Giấy phép bán lẻ rượu. - Bổ sung thủ tục đăng ký, thông báo để tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi triển khai thực hiện.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	a. Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. b. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 5. Các trường hợp thực hiện đăng ký hoạt động Thương nhân đăng ký hoạt động với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau: a) Bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. - Nội dung đăng ký theo Mẫu số 13 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có xác nhận cho thương nhân. Nội dung xác nhận theo Mẫu số 13A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký b) Kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ theo quy định tại Điều 31a và Điều 31c Nghị định này.	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	- Nội dung đăng ký theo Mẫu số 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có xác nhận cho thương nhân. Nội dung xác nhận theo Mẫu số 14A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký. c) Sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại theo quy định tại Điều 17 Nghị định này. - Nội dung đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có xác nhận cho thương nhân. Nội dung xác nhận theo Mẫu số 04A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký. 6. Các trường hợp thực hiện thông báo Thương nhân thông báo hoạt động với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau: a) Phân phối rượu theo quy định tại Điều 18 Nghị định này. - Nội dung thông báo theo Mẫu số 15 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan có thẩm quyền, thương nhân được phép thực hiện theo nội dung đã thông báo. b) Bán lẻ rượu theo quy định tại Điều 18 Nghị định này. - Nội dung thông báo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan có thẩm quyền, thương nhân được phép thực hiện theo nội dung đã thông báo. 7. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thì có quyền cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép đó.	
Điều 26. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép 1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải gửi hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép (01 bộ) bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao giấy phép đã được cấp; c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. 3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép:	Điều 26. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép 1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải gửi hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép (01 bộ) bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao giấy phép đã được cấp; c) Các tài liệu chứng minh việc sửa đổi, bổ sung. 3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép:	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 26. - Giữ nguyên điểm a khoản 2 Điều 26 - Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 26: Giấy phép đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. - Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 26 theo hướng thay thế cụm từ “nhu cầu” thành “việc”. - Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 3 Điều 26 theo hướng cắt giảm 30% thời gian thực hiện thủ tục hành chính với Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán lẻ rượu

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.	a) Thương nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; b) Cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, Giấy phép rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán lẻ rượu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Mẫu Giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.	
Điều 27. Cấp lại giấy phép 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. 2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: a) Hồ sơ đề nghị cấp lại (01 bộ) bao gồm:	Điều 27. Cấp lại giấy phép 1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. 2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: a) Hồ sơ đề nghị cấp lại (01 bộ) bao gồm:	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 2 Điều 27. - Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 3 Điều 27 theo hướng cắt giảm 30% thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); b) Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép; c) Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ. 3. Thủ tục cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp lại giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.	Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); b) Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép; c) Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ. 3. Thủ tục cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: a) Thương nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp lại giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.	
Điều 28. Nội dung và thời hạn của giấy phép 1. Nội dung của giấy phép theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.	Điều 28. Nội dung và thời hạn của giấy phép 1. Nội dung của giấy phép theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 28. - Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 28 (được sửa đổi tại khoản 20 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) theo hướng sửa đổi bỏ nội dung

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Thời hạn của giấy phép: a) Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp là 15 năm; b) Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán buôn rượu, Giấy phép bán lẻ rượu là 05 năm.” (Sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	2. Thời hạn của giấy phép: a) Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp là 15 năm; b) Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán lẻ rượu là 05 năm.	liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12).
Điều 29. Gửi và lưu giấy phép 1. Đối với Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi doanh nghiệp: được cấp giấy phép, 01 bản gửi Bộ Công Thương (đối với giấy phép do Sở Công Thương cấp) hoặc Sở Công Thương địa phương (đối với giấy phép do Bộ Công Thương cấp). 2. Đối với Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi cơ sở được cấp giấy phép, 01 bản gửi Sở Công Thương. 3. Đối với Giấy phép phân phối rượu: Giấy phép được làm thành nhiều bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp giấy phép; 01 bản gửi Cục Quản lý thị trường; 01 bản gửi Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và 01 bản gửi mỗi Sở	Điều 29. Gửi và lưu giấy phép 1. Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp giấy phép; 01 bản gửi Bộ Công Thương (Cục Công nghiệp). 2. Đối với Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi thương nhân được cấp giấy phép; 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 3. Đối với Giấy phép phân phối rượu: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp giấy phép; 01 bản gửi Bộ Công Thương (Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước). 4. Đối với Giấy phép bán buôn rượu: 5. Đối với Giấy phép bán lẻ rượu:	- Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 29 để phù hợp với thực hiện phân cấp, phân quyền về UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP, phân cấp thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp về UBND cấp tỉnh (đã thuyết minh tại điểm a khoản 1 Điều 25). - Bãi bỏ khoản 4 Điều 29. Lý do: Sửa đổi bỏ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12).

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Công Thương nơi doanh nghiệp đăng ký phân phối rượu; 01 bản gửi mỗi thương nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp kinh doanh rượu khác có tên trong giấy phép. 4. Đối với Giấy phép bán buôn rượu: Giấy phép được làm thành nhiều bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi doanh nghiệp được cấp Giấy phép; 01 bản gửi Bộ Công Thương; 01 bản gửi Chi Cục Quản lý thị trường; 01 bản gửi mỗi thương nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp kinh doanh rượu khác có tên trong giấy phép. 5. Đối với Giấy phép bán lẻ rượu: Giấy phép được làm thành nhiều bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi thương nhân được cấp giấy phép; 01 bản gửi Sở Công Thương; 01 bản gửi Cục Quản lý thị trường; 01 bản gửi thương nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp kinh doanh rượu khác có tên trong giấy phép. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép; 01 bản gửi thương nhân được cấp giấy phép; 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
Điều 30. Quy định chung về nhập khẩu rượu 1. Doanh nghiệp có Giấy phép phân phối rượu được phép nhập khẩu rượu và phải chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm của rượu nhập khẩu. Trường hợp nhập khẩu rượu bán thành phẩm, doanh nghiệp chỉ được bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.	Giữ nguyên	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp được phép nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu rượu bán thành phẩm để sản xuất rượu thành phẩm. 3. Trừ trường hợp quy định tại Điều 31 của Nghị định này, rượu nhập khẩu phải đáp ứng quy định sau: a) Phải được ghi nhãn hàng hóa, dán tem rượu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này; b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.” (Sửa đổi theo quy định tại Khoản 22 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 4. Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế.		
Điều 31. Nhập khẩu rượu để thực hiện thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm Doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp chưa được cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, Giấy phép phân phối rượu được nhập khẩu rượu để thực hiện thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm với tổng dung tích không quá 03 lít trên một nhãn rượu. Rượu nhập khẩu trong trường hợp này không được bán trên thị trường.	Giữ nguyên	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Điều 31a. Điều kiện sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. 3. Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	Điều 31a. Điều kiện sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. 3. Thương nhân đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 2 Điều 31a. - Sửa đổi khoản 3 Điều 31a theo hướng sửa phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP.
Điều 31b. Điều kiện nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 31a của Nghị định này. 2. Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế; 3. Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	Điều 31b. Điều kiện nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 31a của Nghị định này. 2. Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế. 3. Đăng ký Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 2 Điều 31b (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). - Bãi bỏ khoản 3 Điều 31b (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; đồng thời dữ liệu về thương nhân nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ vẫn được cơ quan hải quan quản lý.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Điều 31c. Điều kiện bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 31a của Nghị định này. 2. Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở kinh doanh trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	Điều 31c. Điều kiện bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 31a của Nghị định này. 2. Thương nhân đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở kinh doanh trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.	- Giữ nguyên khoản 1 Điều 31c (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). - Sửa đổi khoản 2 Điều 31c (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) theo hướng phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP.
Điều 31d. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Được nhập khẩu, mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp. 2. Đảm bảo thời hạn sử dụng của sản phẩm rượu theo công bố của cơ sở sản xuất. 3. Thực hiện trách nhiệm theo quy định Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và các quy định khác của pháp luật. Không phải thực hiện dán tem rượu theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu.	Điều 31d. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) 1. Được nhập khẩu, mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp. Đối với thương nhân sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ được phép nhập khẩu nguyên liệu, rượu bán thành phẩm trên 5,5 độ làm nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất của mình và không được kinh doanh thương mại nguyên liệu, rượu bán thành phẩm này. 2. Đảm bảo thời hạn sử dụng của sản phẩm rượu theo công bố của cơ sở sản xuất. 3. Thực hiện trách nhiệm theo quy định Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và các quy định khác của pháp luật. Không phải thực hiện	- Giữ nguyên khoản 2, khoản 3 Điều 31d (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). - Sửa đổi khoản 1 Điều 31d (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) theo hướng bổ sung thương nhân sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ được phép nhập khẩu nguyên liệu, rượu bán thành phẩm trên 5,5 độ làm nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất của mình và không được kinh doanh thương mại nguyên liệu, rượu bán thành phẩm này. Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp do thực tế trong quá trình triển khai có phát sinh việc nhập khẩu rượu trên 5,5 độ để sản xuất rượu dưới 5,5 độ vẫn phải xin cấp phép sản xuất hoặc phân phối rượu để nhập khẩu trong khi quy định hiện hành sản xuất rượu dưới 5,5 độ không phải

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	dán tem rượu theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu.	xin giấy phép, chỉ phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã.
Điều 32. Chế độ báo cáo 1. Đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên, trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, thương nhân sản xuất rượu công nghiệp, thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu, có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh rượu năm trước của đơn vị mình về cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo Mẫu số 08, Mẫu số 09 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 2. Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn về Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này. <i>(Thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</i> 3. Đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên, trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, sản xuất rượu thủ công để bán cho các cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, tình	Điều 32. Chế độ báo cáo 1. Đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên, định kỳ 06 tháng, thương nhân sản xuất rượu công nghiệp, thương nhân sản xuất rượu thủ công, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán lẻ rượu có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh rượu kỳ liền kề trước của đơn vị mình về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo Mẫu số 08, Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trước ngày 10 tháng 01 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 05 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm). 2. Đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên, trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn về Sở Công Thương địa phương theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Định kỳ 06 tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; sản xuất rượu thủ công để bán cho các cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại; bán lẻ rượu; tình hình tiếp nhận đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên; tình hình tiếp nhận đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn	- Bãi bỏ khoản 2 Điều 32 <i>(được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> do đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 32. - Sửa đổi khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 32 (được sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) theo hướng sửa đổi bỏ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12); thực hiện phân cấp, phân quyền từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP; bổ sung thêm nội dung báo cáo về tình hình tiếp nhận đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên; tình hình tiếp nhận đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ; bổ sung thời hạn báo cáo định kỳ 6 tháng để tăng cường công tác quản lý nhà nước. - Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều 32 theo hướng Bộ Công Thương quy định chi tiết hình thức báo cáo trực tuyến thay thế hình thức báo cáo tại Điều 32 để áp dụng số hóa.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
hình bán lẻ rượu năm trước trên địa bàn về Sở Công Thương theo Mẫu số 11 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i> 4. Đối với rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu, tình hình phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu năm trước trên địa bàn về Bộ Công Thương theo Mẫu số 12 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. <i>(Sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)</i>	dưới 5,5 độ của kỳ liên kế trước trên địa bàn về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trước ngày 10 tháng 02 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm). 4. Định kỳ 06 tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sản xuất rượu công nghiệp; sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; sản xuất rượu thủ công để bán cho các cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại; tình hình phân phối, bán lẻ rượu, đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ với rượu có độ cồn trên 5,5 độ; tình hình tiếp nhận đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ của kỳ liên kế trước trên địa bàn về Bộ Công Thương theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trước ngày 28 tháng 02 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 30 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 06 tháng đầu năm). 5. Bộ Công Thương quy định chi tiết hình thức báo cáo trực tuyến thay thế hình thức báo cáo tại điều này.	
Điều 33. Thu hồi giấy phép 1. Giấy phép bị thu hồi trong các trường hợp: a) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp; b) Không còn đáp ứng đủ hoặc không thực hiện đúng các điều kiện quy định; c) Chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh;	Điều 33. Thu hồi giấy phép 1. Giấy phép bị thu hồi trong các trường hợp: a) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp; b) Không còn đáp ứng đủ hoặc không thực hiện đúng các điều kiện quy định; c) Chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh;	- Giữ nguyên khoản 2, khoản 3 Điều 33. - Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 33 để phù hợp với tình hình triển khai thực tế và thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền; đ) Thương nhân đã được cấp giấy phép nhưng không hoạt động trong thời gian 12 tháng liên tục. e) Vi phạm các quy định tại Điều 7 của Nghị định này. 2. Cơ quan nhà nước cấp giấy phép có thẩm quyền thu hồi giấy phép đã cấp. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc giấy phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi giấy phép trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.	d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền; đ) Thương nhân đã được cấp giấy phép nhưng không hoạt động trong thời gian 12 tháng liên tục. e) Vi phạm các quy định tại Điều 7 của Nghị định này. g) Thương nhân có văn bản trả lại giấy phép. 2. Cơ quan nhà nước cấp giấy phép có thẩm quyền thu hồi giấy phép đã cấp. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc giấy phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi giấy phép trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.	- Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 1 Điều 33 để bổ sung quy định với trường hợp thương nhân tự nguyện hoàn trả giấy phép.
Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công Thương 1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh rượu. 2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành rượu: trong đầu tư xây dựng theo các quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này. 3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với rượu. 4. Thanh tra, kiểm tra, các cơ sở kinh doanh rượu về việc chấp hành quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;	Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công Thương 1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh rượu. 2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành rượu: trong đầu tư xây dựng theo các quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này. 3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với rượu. 4. Kiểm tra các cơ sở kinh doanh rượu về việc chấp hành quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; giải quyết	- Sửa đổi khoản 4 Điều 34 theo hướng lược bỏ trách nhiệm của Bộ Công Thương liên quan đến chức năng “thanh tra” theo đúng chức năng nhiệm vụ. - Giữ nguyên khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 34.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh rượu. 5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các vi phạm khác về kinh doanh rượu. 6. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tổ chức tịch thu, xử lý đối với rượu nhập lậu, rượu giả, rượu không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, rượu không ghi nhãn, dán tem theo quy định. 7. Chủ trì, phối hợp kiểm tra, tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định này.	các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh rượu. 5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các vi phạm khác về kinh doanh rượu. 6. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tổ chức tịch thu, xử lý đối với rượu nhập lậu, rượu giả, rượu không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, rượu không ghi nhãn, dán tem theo quy định. 7. Chủ trì, phối hợp kiểm tra, tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định này.	
Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Tài chính Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương quy định việc in, ban hành tem, dán tem và quản lý sử dụng tem đối với rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu.	Giữ nguyên.	
Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Y tế 1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống tác hại của rượu. 2. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện, kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất rượu giả, rượu lậu, rượu không bảo đảm an toàn thực phẩm.	Giữ nguyên.	
Điều 37. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Giữ nguyên.	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi quyền hạn của mình và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh rượu; tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định về kinh doanh rượu.		
Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành rượu trên địa bàn. 2. Kiểm tra hoạt động sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, tiêu thụ rượu trên địa bàn. 3. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, an toàn lao động, môi trường trong các cơ sở sản xuất rượu và xử lý những vi phạm theo quy định của pháp luật trên địa bàn. 4. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong việc thực hiện kinh doanh rượu theo quy định tại Nghị định này. 5. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương: Tuyên truyền, phổ biến để nhân dân nâng cao nhận thức về nguy cơ, tác hại của việc lạm dụng rượu và sử dụng rượu có hàm lượng các chất có hại vượt mức cho phép, hướng dẫn người tiêu dùng chỉ sử dụng những sản phẩm rượu có nguồn	Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành rượu trên địa bàn. 2. Kiểm tra hoạt động sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, tiêu thụ rượu trên địa bàn. 3. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, an toàn lao động, môi trường trong các cơ sở sản xuất rượu và xử lý những vi phạm theo quy định của pháp luật trên địa bàn. 4. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong việc thực hiện kinh doanh rượu theo quy định tại Nghị định này. 5. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương: Tuyên truyền, phổ biến để nhân dân nâng cao nhận thức về nguy cơ, tác hại của việc lạm dụng rượu và sử dụng rượu có hàm lượng các chất có hại vượt mức cho phép, hướng dẫn người tiêu dùng chỉ sử dụng những sản phẩm rượu có nguồn	- Giữ nguyên khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 38. - Bãi bỏ khoản 6 Điều 38 Lý do: thực hiện phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP. - Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 38 theo hướng Bộ Công Thương quy định việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu cấp Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để bảo đảm mục tiêu liên thông về cơ sở dữ liệu và hiệu quả quản lý nhà nước.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
gốc, xuất xứ, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định; làm rõ nguyên nhân khi xảy ra ngộ độc rượu trên địa bàn và có các biện pháp xử lý theo thẩm quyền; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu. 6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên phạm vi địa bàn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền. 7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên phạm vi địa bàn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.	gốc, xuất xứ, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định; làm rõ nguyên nhân khi xảy ra ngộ độc rượu trên địa bàn và có các biện pháp xử lý theo thẩm quyền; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu. 6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên phạm vi địa bàn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền. 7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên phạm vi địa bàn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền. 8. Chỉ đạo cơ quan cấp phép kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu cấp Giấy phép kinh doanh rượu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.	
Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp 1. Thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu đã được cấp giấy phép mà vẫn còn thời hạn, được tiếp tục hoạt động theo nội dung ghi trong giấy phép đã cấp. Trường hợp thương nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung giấy phép thì phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	Giữ nguyên.	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
2. Trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ phải làm thủ tục cấp giấy phép theo quy định tại Nghị định này.		
Điều 40. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. 2. Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.	Giữ nguyên	
Điều 41. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành 1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	Giữ nguyên	
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP		
Khoản 25 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Sửa đổi các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 trong Phụ lục ban hành kèm theo	Khoản 25 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Sửa đổi các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13,14 Mục II của Phụ lục ban hành	Sửa đổi khoản 25 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP: Sửa đổi các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13,14 Mục II của Phụ lục ban hành

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu bằng các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 Mục II của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP (bằng các mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13,14 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).	kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP (bằng các mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11,12, 13,14 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Lý do: Sửa đổi bổ nội dung liên quan về thương nhân bán buôn rượu (đã thuyết minh tại Điều 12); thực hiện phân cấp, phân quyền từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, phân định thẩm quyền về UBND cấp xã theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và một số nội dung mới.
Khoản 26 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Bổ sung Mẫu số 13 về Giấy đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	Khoản 26 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Bổ sung Mẫu số 13 về Giấy đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bổ sung Mẫu số 15, 16, 04A, 13A, 14A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	- Bổ sung khoản 26 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Bổ sung Mẫu số 15, 16, 04A, 13A, 14A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
Điều 17 (Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu 1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 3. 2. Bãi bỏ Điều 7. 3. Bãi bỏ khoản 2, 3 và 6 Điều 11. 4. Bãi bỏ khoản 2, 3 và 6 Điều 12. 5. Bãi bỏ khoản 4 và 5 Điều 13.	Điều 17 (Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu 1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 3. 2. Bãi bỏ Điều 7. 3. Bãi bỏ khoản 2, 3 và 6 Điều 11. 4. Bãi bỏ khoản 2, 3 và 6 Điều 12. 5. Bãi bỏ khoản 4 và 5 Điều 13.	Bổ sung vào Điều 17 (Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) bãi bỏ một số Điều, khoản đã thuyết minh ở trên: 11. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). 12. Bãi bỏ khoản 5 Điều 8. 13. Bãi bỏ khoản 2 Điều 10 (được thay thế tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).. 14. Bãi bỏ Điều 12.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
6. Bãi bỏ khoản 4 Điều 14. 7. Bãi bỏ khoản 3, 4 và 7 Điều 21. 8. Bãi bỏ khoản 3, 4 và 7 Điều 22. 9. Bãi bỏ khoản 5 và 6 Điều 23. 10. Bãi bỏ Điều 24.	6. Bãi bỏ khoản 4 Điều 14. 7. Bãi bỏ khoản 3, 4 và 7 Điều 21. 8. Bãi bỏ khoản 3, 4 và 7 Điều 22. 9. Bãi bỏ khoản 5 và 6 Điều 23. 10. Bãi bỏ Điều 24. 11. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). 12. Bãi bỏ khoản 5 Điều 8. 13. Bãi bỏ khoản 2 Điều 10 (được thay thế tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).. 14. Bãi bỏ Điều 12. 15. Bãi bỏ khoản 3 Điều 13. 16. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 14. 17. Bãi bỏ khoản 3 Điều 18. 18. Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 19. 19. Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 20. 20. Bãi bỏ khoản 2 Điều 21. 21. Bãi bỏ Điều 22. 22. Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 23. 23. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 26. 24. Bãi bỏ khoản 4 Điều 29. 25. Bãi bỏ khoản 3 Điều 31b (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).	15. Bãi bỏ khoản 3 Điều 13. 16. Bãi bỏ khoản 3 Điều 14. 17. Bãi bỏ khoản 3 Điều 18. 18. Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 19. 19. Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 20. 20. Bãi bỏ khoản 2 Điều 21. 21. Bãi bỏ Điều 22. 22. Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 23. 23. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 26. 24. Bãi bỏ khoản 4 Điều 29. 25. Bãi bỏ khoản 3 Điều 31b (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). 26. Bãi bỏ khoản 2 Điều 32 (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). 27. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 33. 28. Bãi bỏ khoản 8 Điều 38. 29. Bãi bỏ Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	26. Bãi bỏ khoản 2 Điều 32 (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). 27. Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 33.	
	28. Bãi bỏ khoản 6 Điều 38. 29. Bãi bỏ Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo (được bổ sung tại khoản 23 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).	
	Bổ sung Điều khoản chuyển tiếp 1. Thương nhân kinh doanh rượu đã được cấp giấy phép trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động theo thời hạn, nội dung ghi trong giấy phép đã được cấp. Trường hợp thương nhân sửa đổi, bổ sung giấy phép phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp thương nhân thay đổi địa bàn kinh doanh so với giấy phép thực hiện theo hình thức thông báo tại Nghị định này. Trường hợp địa bàn tỉnh, thành phố kinh doanh ghi trong cấp phép đã được cấp thay đổi theo Nghị quyết số 202/NQ/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, thương nhân được quyền kinh doanh trong phạm vi tỉnh, thành phố mới sau sắp xếp. 2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét cấp phép hồ sơ đã nhận được đầy đủ, hợp lệ trước ngày Nghị định này có hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm	

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP)	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Thuyết minh
	2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	

Số: **113** /BC-BCT

Hà Nội, ngày **17** tháng **3** năm 2026

BÁO CÁO

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về hoạt động kinh doanh rượu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về hoạt động kinh doanh rượu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (Nghị định số 105/2017/NĐ-CP). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm thực hiện, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng đối với hoạt động kinh doanh rượu;

- Nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định còn hạn chế, bất cập hoặc không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật về kinh doanh rượu.

- Nhằm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phạm vi, nội dung đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng có nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh rượu;

- Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh rượu;

- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung liên quan

đến đến hoạt động kinh doanh rượu.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến chính sách

Trong thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều văn bản có nội dung liên quan đến tăng cường quản lý nhà nước về phát triển thương mại, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Bộ Công Thương đã thực hiện rà soát các văn bản chính sách quan trọng của Đảng có nội dung liên quan đến đến hoạt động kinh doanh rượu. Cụ thể:

- Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về tình hình triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương;

- Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về xây dựng các Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Bốn Nghị quyết trụ cột mang tính đột phá, là định hướng quan trọng để phát triển kinh tế đất nước trong kỷ nguyên mới của Bộ Chính trị, trong đó có lĩnh vực thương mại:

- (i) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- (ii) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- (iii) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- (iv) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Các chủ trương lớn nêu trên là những định hướng, chỉ đạo quan trọng, đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh rượu.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát: 08 Luật, 03 Nghị quyết, trong đó có 02 Nghị quyết của Quốc hội và 01 Nghị quyết của Chính phủ; 03 Nghị định của Chính phủ và 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ

thể:

- Luật Thương mại năm 2005;
- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019;
- Luật Đầu tư năm 2020;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Hợp tác xã năm 2023;
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.
- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.
- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội khóa XV về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại.
- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.
- Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và Quyết định số 2671/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (lần 2), trong đó có mặt hàng rượu.

Các chính sách của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP bảo đảm hợp hiến, hợp pháp, phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách

Dự thảo Nghị định không có nội dung trái với các điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục: Kết quả rà soát theo bảng phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Bộ Công Thương kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

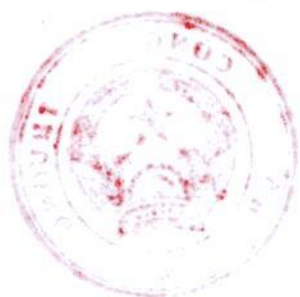
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó TTg CP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Cục Công nghiệp;
- Lưu: VT, TTTN (CC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]

Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC

KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2027/NĐ-CP NGÀY 14/9/2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KINH DOANH RƯỢU, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2020/NĐ-CP NGÀY 055/02/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số...1.1/BC-BCT ngày.17.../ 3 /2026 của Bộ Công Thương)

I. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ
	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quan điểm “Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...” và đặt ra các nhiệm vụ “đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật ...; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế "xin - cho", tư duy "không quản được thì cấm". Người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm. Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường và sức khoẻ của cộng đồng và	Quy định theo hướng cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện không cần thiết, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp, nhưng vẫn bảo đảm hiệu lực quản lý. Các quy định mới được xây dựng theo hướng rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định trên cơ sở phương án đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh rượu. Rà soát lại quy trình, thủ tục hành chính để đảm bảo mục tiêu đơn giản hóa

<i>phải được quy định trong luật.”; “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp”.</i>		thủ tục hành chính, thống nhất lại các quy định về thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới có nêu định hướng về phát triển kinh tế: “<i>Đẩy mạnh hội nhập gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hiện đại; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i>”		
Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí Thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến 30/6/2025; Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về xây dựng các Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, phân quyền, phân cấp nhiều nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ; nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ cho các địa phương. Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh	Quy định cụ thể hóa các phương án phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh rượu.	Dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định để đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành về kinh doanh rượu, cụ thể hóa các phương án phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền theo quy định hiện hành.

	vực công nghiệp và thương mại.	
--	--------------------------------	--

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

STT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	ĐÁNH GIÁ
	Luật Đầu tư năm 2020 quy định về tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với hoạt động Kinh doanh rượu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV. Điều 3 Luật đầu tư 2020 có quy định: “Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh” Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX/LHHTX) được phép kinh doanh bán lẻ rượu và bán rượu tiêu dùng tại chỗ; không được phép phân phối và bán buôn rượu. Quy định này giới hạn quyền tiếp cận chuỗi giá trị sản xuất - phân phối, giảm khả năng cạnh tranh của HTX/LHHTX so với doanh nghiệp, làm suy giảm sức mạnh tập thể và tính đa dạng trong kênh phân phối.	- Quy định kinh doanh rượu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, thực hiện các thủ tục cấp phép kinh doanh theo quy định. - Mở rộng chủ thể được cấp phép phân phối rượu cho HTX/Liên hiệp HTX.	Quy định của Dự thảo Nghị định góp phần thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, thu hút đầu tư. Đồng thời, gia tăng cạnh tranh, giảm chi phí logistics cho thành viên Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã, góp phần phát triển kinh tế tập thể - vốn chiếm tỷ trọng quan trọng trong nền kinh tế nông thôn Việt Nam.
	Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (điểm 3.1 Điều 3) nêu: “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết	Quy định điều kiện kinh doanh rõ ràng, minh bạch cho các doanh nghiệp tham gia thị trường	Đảm bảo thị trường minh bạch, phát triển thị trường cạnh tranh, bình đẳng giữa

giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp" và "đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực".		các chủ thể doanh nghiệp
Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó, mục tiêu năm 2025 là "Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ...". Theo đó, yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.	- Sửa đổi các quy định để đảm bảo phù hợp với pháp luật về kinh doanh rượu, cụ thể hóa các phương án phân quyền, phân cấp theo quy định hiện hành: + Giấy phép phân phối rượu chuyển thẩm quyền từ Bộ Công Thương về UBND cấp tỉnh. Đăng ký, thông báo bán lẻ và bán rượu tiêu dùng tại chỗ chuyển về UBND cấp xã (giảm vai trò trung gian của cấp huyện). + Nghiên cứu rút ngắn thời gian cấp phép đối với nhiều thủ tục (cấp lại (mất/hỏng), cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép). - Thực hiện phương án đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh rượu. + Bãi bỏ loại hình kinh doanh "bán buôn" rượu và các thủ tục liên quan nhằm tinh gọn hệ thống quản lý rượu; doanh nghiệp không phải xin phép loại hình bán buôn giảm một tầng cấp phép trung gian. - Nghiên cứu phạm vi địa bàn kinh doanh rượu trong giấy phép phân phối rượu có giá trị trên toàn quốc, không giới hạn địa điểm kinh doanh nhằm giảm điều kiện và thủ tục xin phép; tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp. Đồng thời nghiên cứu sửa	- Các quy định của Dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành về kinh doanh rượu, cụ thể hóa các phương án phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền theo quy định; - Đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh rượu. Các quy trình, thủ tục được rút ngắn hơn, địa phương chủ động quản lý, doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước
Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.		
Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.		
Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, trong đó có quy định về phân cấp hoạt động kinh doanh rượu.		

	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Theo đó có nội dung quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực kinh doanh rượu tại mục 3 Chương VII của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.	đổi, bổ sung các quy định về thủ tục nhằm bảo đảm quản lý nhà nước hiệu quả khi cắt giảm điều kiện, thủ tục đầu tư kinh doanh. - Nghiên cứu sửa đổi quy định thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp về UBND cấp tỉnh; sửa đổi quy định chung thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (không chia theo quy mô 3 triệu lít/năm) về UBND cấp tỉnh cho thống nhất Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025 và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025. - Sửa đổi một số quy định để giải quyết vướng mắc phát sinh trên thực tế.	
	Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương trong đó có mặt hàng rượu.		